TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

2. Ông Võ Văn Thủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim L, sinh năm: 1982; HKTT: Ấp X, xã NC, huyện BL, tỉnh Long An; Địa chỉ liên lạc: Ấp VXB, xã DXH, huyện CT, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Quang B, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Ấp BT, xã TB, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim L trình bày như sau: Sau khi quen biết, tìm hiểu nhau được 02 năm, bà và ông Lương Quang B xác lập quan hệ hôn nhân ngày 06/5/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB (nay là xã TB), huyện T, tỉnh Long An. Từ khi kết hôn bà mới biết ông B thường đánh bạc (đá gà qua

mạng, cá độ bóng đá) gây nợ, phải bán nhà trả nợ cho ông B. Bà đã nhiều lần khuyên và cho ông B cơ hội thay đổi nhưng ông B vẫn không thay đổi. Bà và ông B sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, bà trở về nhà mẹ tại Châu Thành, còn ông B đã về Tân Trụ ở nhà ba mẹ chồng. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Quang B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lương Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 27/4/2014 và Lương Huỳnh Thái B, sinh ngày 24/4/2006. Cả hai con hiên đang ở chung với bà, do bà chăm lo sinh hoạt và việc học tập. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà và ông B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà và ông B không có nợ ai.

Bị đơn ông Lương Quang B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, không trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lương Quang B và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã TB, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là ly hôn và tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn có đơn ngày 10/4/2023 đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Kim L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lương Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Huỳnh Kim L và ông Lương Quang B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày 06/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã MB (nay là xã TB), huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông B. Bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Như vậy chứng tỏ ông B cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông B là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Kim L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Bà L và ông B có 02 con chung tên Lương Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 27/4/2014 và Lương Huỳnh Thái B, sinh ngày 24/4/2006. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cả 02 con chung hiện đang sống với bà L, do bà L trực tiếp chăm lo việc học hành, sinh hoạt hàng ngày và các cháu vẫn phát triển bình thường; ông B cũng không có yêu cầu tranh chấp về quyền nuôi con; các cháu Trân, Bảo cũng đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cho bà Huỳnh Kim L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lương Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 27/4/2014 và Lương Huỳnh Thái B, sinh

ngày 24/4/2006 để không làm thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Ông B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về mức cấp dưỡng nuôi con. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày bà và ông B không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003307 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 96, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim L về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" đối với ông Lương Quang B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim L được ly hôn với ông Lương Quang B.

Về con chung: Bà Huỳnh Kim L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lương Huỳnh Bảo T1, sinh ngày 27/4/2014 và Lương Huỳnh Thái B, sinh ngày 24/4/2006, ông Lương Quang B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003307 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Nơi đăng ký kết hôn
(Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Hoàng Dung